

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/DS-ST

Ngày: 08/8/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thế Trang Đền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Cảnh

2. Ông Đỗ Thanh Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Mỹ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2022/TLST- DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2023/QĐST-DS ngày 14/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Th, sinh năm: 1969; Địa chỉ: 478, ấp PM, xã P, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim ả g, sinh năm: 1980; Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Th, bà ả đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 05/12/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Th trình bày:*

Do có quen biết với nhau nên bà có cho bà ả mượn tạm nhiều lần số tiền cụ thể như sau:

- ả ngày 13/7/2021 ảl, bà cho bà ả mượn 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

- ả ngày 19/7/2021 ảl, bà cho bà ả mượn 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

- ả ngày 11/8/2022 ảl, bà cho bà ả mượn 02 lần, mỗi lần mượn 10.000.000 (Mười triệu) đồng. Tổng cộng là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Các lần mượn tạm nói trên đều không có làm giấy tờ, tuy nhiên bà ả chỉ mượn tạm. Đến ngày 16/8/2021 ảl, khi bà tổng kết nợ với bà ả thì bà ả mới viết giấy nợ còn thiếu bà tổng cộng là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Bà ả hứa sẽ

trả cho bà trong thời hạn là 01 tháng, không có lãi suất. Mục đích vay là lo cho gia đình.

Đến khoảng tháng 3/2022, bà cho bà ả mượn thêm 7.000.000 (*Bảy triệu*) đồng. Bà ả có trả 3.200.000 (*Ba triệu hai trăm nghìn*) đồng. Còn thiếu lại 3.800.000 (*Ba triệu tám trăm nghìn*) đồng. Phần tiền mượn này không có giấy tờ, chỉ hợp đồng miệng.

Tổng số tiền bà ả còn nợ của bà tổng cộng là 43.800.000 (*Bốn mươi ba triệu tám trăm nghìn*) đồng. Rất nhiều lần bà có yêu cầu bà ả phải trả cho bà số tiền nói trên nhưng bà ả cố tình tránh né, không trả lại số tiền nói trên cho bà.

Do đó, bà có yêu cầu bà ả phải trả cho bà số tiền 43.800.000 (*Bốn mươi ba triệu tám trăm nghìn*) đồng tiền gốc lại cho bà. Bà không có yêu cầu tính lãi.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị Th rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.800.000 (*Ba triệu tám trăm nghìn*) đồng. Bà yêu cầu bà ả có nghĩa vụ trả cho bà số tiền thiếu bà là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng theo giấy tay ghi nợ. Bà không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt của bà Lê Thị Th trình bày: Do bận công việc làm ăn, không thể sắp xếp để đến Tòa án giải quyết vụ án, bà không có khiếu nại.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã thông báo và tổ chức công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà ả vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện G đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 14 tháng 7 năm 2023, bà ả vắng mặt.

Phiên tòa dân sự sơ thẩm được mở lại vào ngày 08/8/2023, bà ả vẫn vắng mặt không có lý do.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Thẩm phán đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ trong quá trình tố tụng... Thẩm phán đảm bảo đúng theo thời gian giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, vô tư, khách quan.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà Th khởi kiện yêu cầu bà ả có trách nhiệm trả cho bà Th số tiền vay là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng, bà không yêu cầu tính lãi. Xét thấy lời trình bày của bà Th căn cứ vào giấy tay ghi nợ mà bà Th cung cấp có nội dung rõ ràng, thể hiện bà ả có nợ của bà Th tổng số tiền là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng. Bà Th cho rằng bà ả chưa trả cho bà Th, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà ả vắng mặt không lý do. Việc bà ả không đến Tòa án giải quyết vụ án xem như bà ả đã từ chối việc trình bày và cung cấp chứng cứ. Do đó, căn cứ vào giấy nợ do bà ả viết là việc bà ả còn nợ của bà Th số tiền là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng, có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi lại số tiền vay của bà Th. Việc bà Th không có yêu cầu tính lãi đây là sự tự nguyện của bà Th, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bà Th yêu cầu là 3.800.000 (*Ba triệu tám trăm nghìn*) đồng là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Kim ả g là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Đối với nguyên đơn là bà Lê Thị Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Th và bà ả .

[2] ả i dung vụ án: Bà Lê Thị Th khởi kiện bà Lê Thị Kim ả g yêu cầu bà ả có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng vì bà Th cho rằng bà ả có vay của bà số tiền là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng nhiều lần, không có ghi giấy tờ. Đến ngày 16/8/2021, bà ả có viết giấy tay nhận nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của phía bà Th là có căn cứ. Theo giấy tay nhận nợ đề ngày 16/8/2021 đã thể hiện nội dung: “Tôi Lê Thị Kim ả g có mượn chị Lê Thị Th số tiền là...Tổng cộng 40.000.000 (*Bốn mươi triệu chẵn*)” và ký tên, viết tên người mượn. Vậy, cần xác định việc bà ả có vay của bà Th là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng vào các ngày 13/7/2021; 19/7/2021 và ngày 11/8/2021, vay 4 lần mỗi lần là 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng. Đến ngày 16/8/2021, do bà ả không thực hiện trả lại số tiền theo thỏa thuận nên bà ả viết giấy tay nhận nợ.

Căn cứ vào giấy tay nhận nợ nói trên là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn và không có lãi. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên đương sự không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên được điều chỉnh theo quy định của Bộ luật dân sự.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Th và bà ả thì vào ngày 16/8/2021 bà ả có nợ của bà Th tổng số tiền là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Bà Th cho rằng rất nhiều lần bà Th có yêu cầu bà ả trả lại số tiền nợ gốc cho bà Th nhưng bà ả không thực hiện. ả hư vậy, bà ả đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Th, bà ả đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th nên xét yêu cầu của bà Th là có cơ sở chấp nhận.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bà ả vẫn vắng mặt không lý do. Bà ả đã nhận được tất cả các tài liệu, chứng cứ mà phía bà Th cung cấp nhưng bà ả không có trình bày thể hiện ý kiến của bà ả . ả hư vậy, bà ả đã đương nhiên từ bỏ quyền lợi trình bày và quyền cung cấp chứng cứ của mình tại tòa, Hội đồng xét xử không thể xem xét ý kiến của bà ả được, vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Về lãi suất: Bà Th không có yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà Th không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Đối với phần tiền phía bà Th tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện là 3.800.000 (*Ba triệu tám trăm nghìn*) đồng, xét thấy đây cũng là sự tự nguyện của bà Th nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này của bà Th.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th về việc yêu cầu buộc bà Lê Thị Kim ả g phải trả số tiền nợ gốc là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị Kim ả g phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng.

Bà Lê Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Th số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 1.095.000 (*Một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0011230 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; ả ghi quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Th về việc yêu cầu bà Lê Thị Kim ả g có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Th số tiền vay vốn là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng.

2. Buộc bà Lê Thị Kim ả g có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Th tổng số tiền là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lê Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị Kim ả g chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như án tuyên thì hàng tháng bà ả còn phải trả cho bà Th số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Kim ả g phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng.

Bà Lê Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Th số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 1.095.000 (*Một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0011230 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSở D huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAA D tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Võ Thế Trang Đền**